

Mỹ Phước, ngày 13 tháng 9 năm 2019

BÁO CÁO

Kết quả thống kê đất đai năm 2018 phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát

Thực hiện Công văn số 4032/TCQLĐĐ-CKQLĐĐ ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Tổng cục Quản lý đất đai về việc chuẩn bị kiểm kê đất đai 2019 và thực hiện thống kê đất đai năm 2018. Nay, Ủy ban nhân dân phường Mỹ Phước báo cáo kết quả thống kê đất đai năm 2018 đến Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát cụ thể như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Căn cứ pháp lý

- Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2004 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai;
- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ địa chính;
- Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về bản đồ địa chính;
- Thông tư số 28/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;
- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27 tháng 1 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ;
- Công văn số 4032/TCQLĐĐ-CKQLĐĐ ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Tổng cục Quản lý đất đai về việc chuẩn bị kiểm kê đất đai 2019 và thực hiện thống kê đất đai năm 2018.

2. Mục đích yêu cầu

Đánh giá tình hình sử dụng và biến động trong sử dụng đất, làm cơ sở cho việc xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật về đất đai, lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; cung cấp kịp thời những thông tin chi tiết và chính xác về đất

đại để hoạch định các chính sách, xây dựng các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và việc quản lý, sử dụng hợp lý, có hiệu quả vốn tài nguyên đất đai; đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của các ngành kinh tế, xã hội và an ninh - quốc phòng trên địa bàn.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

Thu thập các hồ sơ, tài liệu, số liệu liên quan đến biến động đất đai từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018; số liệu thống kê đất đai năm 2017.

Xử lý, tổng hợp số liệu và lập các biểu thống kê đất đai theo quy định.

Phân tích, đánh giá, hiện trạng sử dụng đất, biến động đất đai, đề xuất các giải pháp tăng cường về quản lý nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

Xây dựng báo cáo thống kê đất đai năm 2018.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thực hiện Công văn số 4032/TCQLĐĐ-CKQLĐĐ ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Tổng cục Quản lý đất đai về việc chuẩn bị kiểm kê đất đai 2019 và thực hiện thống kê đất đai năm 2018. Từ ngày 01/01/2018, Ủy ban nhân dân phường đã phối hợp cùng Phòng Tài nguyên và Môi trường và Văn phòng đăng ký đất đai (đơn vị tư vấn) thu thập các hồ sơ, tài liệu, số liệu liên quan đến biến động đất đai từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018 để phục vụ thực hiện thống kê diện tích đất đai năm 2018.

Trên cơ sở các hồ sơ, tài liệu, số liệu liên quan đến biến động đất đai từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018. Đơn vị tư vấn thực hiện đối soát hiện trạng và thực hiện chỉnh lý về loại đất, đối tượng sử dụng đất các trường hợp biến động lên bản đồ kết quả điều tra thống kê năm 2018.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 01 năm 2019, Ủy ban nhân dân phường đã phối hợp cùng Phòng Tài nguyên và Môi trường và Văn phòng đăng ký đất đai tổ chức thực hiện kiểm tra kết quả số liệu, báo cáo thống kê đất đai năm 2018 trên địa bàn phường.

IV. TÀI LIỆU THU THẬP

1. Các tài liệu, số liệu thu thập phục vụ thống kê đất đai

- Báo cáo tình hình kinh tế - văn hóa xã hội và quốc phòng, an ninh năm 2018.

- Danh sách trường hợp biến động đất đai, hồ sơ lưu trữ về các trường hợp biến động đất đai của hộ gia đình cá nhân và tổ chức sử dụng đất.

- Số liệu, báo cáo kết quả thống kê đất đai năm 2017.

- Bản đồ địa chính; bản đồ trích lục, trích đo địa chính các trường hợp biến động đất đai.

2. Đánh giá độ tin cậy của các tài liệu thu thập

Các tài liệu, số liệu, bản đồ thu thập phục vụ thống kê đất đai được thu thập là những tài liệu, số liệu, bản đồ được lưu trữ tại Ủy ban nhân dân và Phòng Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng đăng ký đất đai đảm bảo tính đầy đủ, pháp lý và độ chính xác.

V. KẾT QUẢ THỐNG KÊ ĐẤT ĐAI NĂM 2018

1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

1.1. Điều kiện tự nhiên

Phường Mỹ Phước nằm ở vị trí phía bắc của thị xã Bến Cát, có diện tích tự nhiên là 2.150,21ha, có địa giới hành chính cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp xã Long nguyên và xã Lai Hưng huyện Bàu Bàng;
- Phía Nam giáp phường Thới Hòa thị xã Bến Cát;
- Phía Đông giáp phường Chánh Phú Hòa thị xã Bến Cát;
- Phía Tây giáp xã An Điền thị xã Bến Cát.

1.2. Kinh tế - xã hội

Trong năm qua, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, kiểm tra giám sát của Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và cán bộ các cấp cùng toàn thể nhân dân trong phường hầu hết các chỉ tiêu về kinh tế - xã hội đều đạt kế hoạch đề ra, được thể hiện ở các mặt sau:

- Lĩnh vực thương mại dịch vụ được duy trì phát triển ổn định chủ yếu kinh doanh nhà trọ và buôn bán, hiện có trên 4.600 hộ kinh doanh nhiều ngành nghề khác nhau. Đặc biệt là nhà trọ phát triển mạnh với hơn 1.908 chủ nhà trọ, hơn 23.529 phòng trọ, 348 công ty, doanh nghiệp, trong đó tập trung ở khu công nghiệp Mỹ Phước 1 và Mỹ Phước 2 là 130 doanh nghiệp, công ty.

- Tình hình quốc phòng và an ninh được giữ vững.

- Thực hiện tốt công tác Tài chính - kế toán, quản lý chặt chẽ các nguồn thu chi theo quy định của Luật ngân sách và kịp thời phục vụ cho động của địa bàn phường.

- Trong năm 2018 UBND phường Mỹ Phước đã cơ bản hoàn thành tốt các chỉ tiêu nghị quyết HĐND đề ra với khối lượng công việc nhiều và chất lượng công việc tốt.

2. Tình hình quản lý và sử dụng đất đai năm 2018

- Công tác quản lý sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được quan tâm thực hiện.

- Thực hiện đầy đủ, đúng hạn các hồ sơ liên qua đến đất đai như công khai hồ sơ điều chỉnh diện tích, xác nhận hồ sơ đăng ký cấp GCN QSDĐ lần đầu; xác nhận các trường hợp đăng ký biến động về QSDĐ.

- Công tác quản lý đất công: Hiện phường có 23 thửa đất công, trong đó đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 09 thửa, có giấy chứng nhận là 07 thửa, 6 thửa đang tranh chấp, 01 thửa chưa đo đạc.

- Công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật cũng được tiến hành thường xuyên, phát hiện và xử lý kịp thời các sai phạm trong việc quản lý và sử dụng đất.

3. Kết quả thống kê đất đai năm 2018

Kết quả thống kê đất đai năm 2017 phường Mỹ Phước có tổng diện tích tự nhiên là 2.150,21ha, trong đó:

- Nhóm đất nông nghiệp: 816,88ha, chiếm 37,99% tổng diện tích tự nhiên của phường;

- Nhóm đất phi nông nghiệp: 1.333,32ha, chiếm 62,01% tổng diện tích tự nhiên của phường.

3.1. Hiện trạng sử dụng nhóm đất nông nghiệp

a) Theo mục đích sử dụng

Diện tích nhóm đất nông nghiệp đến ngày 31/12/2017 của phường là: 816,88ha, chiếm 37,99% tổng diện tích tự nhiên của phường, cụ thể như sau:

- Đất trồng cây hàng năm diện tích là 66,98ha, chiếm 8,21% tổng diện tích nhóm đất nông nghiệp.

- Đất trồng cây lâu năm diện tích là 749,19ha, chiếm 91,70% tổng diện tích nhóm đất nông nghiệp.

- Đất nuôi trồng thủy sản diện tích là 0,71ha, chiếm 0,09% tổng diện tích nhóm đất nông nghiệp.

b) Theo đối tượng sử dụng

- Hộ gia đình cá nhân trong nước sử dụng 800,69ha, chiếm 98,02% tổng diện tích nhóm đất nông nghiệp.

- Tổ chức kinh tế sử dụng 10,65ha, chiếm 1,30% tổng diện tích nhóm đất nông nghiệp.

- Cơ quan, đơn vị của Nhà nước sử dụng 5,55ha, chiếm 0,68% tổng diện tích nhóm đất nông nghiệp.

(Số liệu chi tiết tại Biểu số 02/TKĐĐ kèm theo).

3.2. Hiện trạng sử dụng nhóm đất phi nông nghiệp

Diện tích nhóm đất phi nông nghiệp đến ngày 31/12/2018 của phường là 1.333,32ha, chiếm 62,01% tổng diện tích tự nhiên. Cụ thể như sau:

a) Theo mục đích sử dụng

- Đất ở có diện tích là 305,30ha, chiếm 18,94% diện tích nhóm đất phi nông nghiệp;
- Đất chuyên dùng có diện tích là 978,23ha, chiếm 77,13% diện tích nhóm đất phi nông nghiệp;
- Đất cơ sở tôn giáo có diện tích là 0,38ha, chiếm 0,03% diện tích nhóm đất phi nông nghiệp;
- Đất cơ sở tín ngưỡng có diện tích là 0,65ha, chiếm 0,05% diện tích nhóm đất phi nông nghiệp;
- Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng có diện tích là 3,33ha, chiếm 0,26% diện tích nhóm đất phi nông nghiệp;
- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối có diện tích là 31,92ha, chiếm 2,52% diện tích nhóm đất phi nông nghiệp;
- Đất có mặt nước chuyên dùng có diện tích là 13,51ha, chiếm 1,07% diện tích nhóm đất phi nông nghiệp.

b) Theo đối tượng sử dụng

- Hộ gia đình cá nhân trong nước sử dụng 303,78ha, chiếm 14,02% tổng diện tích nhóm đất phi nông nghiệp;
- Tổ chức kinh tế sử dụng 844,07ha, chiếm 71,35% tổng diện tích nhóm đất phi nông nghiệp;
- Cơ quan, đơn vị của Nhà nước sử dụng 29,27ha, chiếm 2,31% tổng diện tích nhóm đất phi nông nghiệp;
- Tổ chức sự nghiệp công lập sử dụng 20,29ha, chiếm 1,60% tổng diện tích nhóm đất phi nông nghiệp;
- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sử dụng 0,91ha, chiếm 0,07% tổng diện tích nhóm đất phi nông nghiệp;
- Cộng đồng dân cư và cơ sở tôn giáo sử dụng 1,92ha, chiếm 0,15% tổng diện tích nhóm đất phi nông nghiệp.

c) Theo đối tượng quản lý

- Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý 15,06 ha, chiếm 1,19% diện tích nhóm đất phi nông nghiệp;
- Tổ chức phát triển quỹ đất quản lý 0,96 ha, chiếm 0,08% diện tích nhóm đất phi nông nghiệp;
- Cộng đồng dân cư và Tổ chức khác quản lý 117,08ha, chiếm 9,23% diện tích nhóm đất phi nông nghiệp.

(Số liệu chi tiết tại Biểu số 03/TKĐĐ kèm theo).

3.3. Hiện trạng nhóm đất chưa sử dụng

Đến ngày 31/12/2018 diện tích đất bằng chưa sử dụng không còn.

4. Biến động đất đai trong năm 2018

4.1. Tổng diện tích tự nhiên

Tổng diện tích tự nhiên năm 2018 là 2.150,21ha, giữ nguyên so với diện tích thống kê đất đai năm 2017.

Bảng 1: Biến động diện tích đất đai năm 2018 với năm 2017

STT	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	Mã	Diện tích năm 2018	So với năm 2017	
				Diện tích năm	Tăng(+) giảm(-)
			2.150,21	2.150,21	
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	816,88	817,90	-1,02
<i>1.1</i>	<i>Đất sản xuất nông nghiệp</i>	<i>SXN</i>	<i>816,17</i>	<i>817,19</i>	<i>-1,02</i>
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	66,98	67,23	-0,25
1.1.1.1	Đất trồng lúa	LUA			
1.1.1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	66,98	67,23	-0,25
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	749,19	749,96	-0,77
<i>1.2</i>	<i>Đất lâm nghiệp</i>	<i>LNP</i>			
<i>1.3</i>	<i>Đất nuôi trồng thủy sản</i>	<i>NTS</i>	<i>0,71</i>	<i>0,71</i>	
<i>1.4</i>	<i>Đất làm muối</i>	<i>LMU</i>			
<i>1.5</i>	<i>Đất nông nghiệp khác</i>	<i>NKH</i>			
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	1.333,32	1.332,30	1,02
2.1	Đất ở	OCT	305,30	304,28	1,02
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT			
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	305,30	304,28	1,02
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	978,23	978,23	
2.2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	9,54	9,54	
2.2.2	Đất quốc phòng	CQP	3,22	3,22	
2.2.3	Đất an ninh	CAN	1,94	1,94	
2.2.4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	36,87	36,87	
2.2.5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	740,96	740,96	
2.2.6	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	185,70	185,70	
2.3	Đất cơ sở tôn giáo	TON	0,38	0,38	
2.4	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,65	0,65	
2.5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nht	NTD	3,33	3,33	
2.6	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	31,92	31,92	
2.7	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	13,51	13,51	

4.2. Tình hình biến động nhóm đất nông nghiệp

Nhóm đất nông nghiệp giảm 1,02ha so với diện tích kỳ thống kê đất đai năm 2016. Cụ thể như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác giảm 0,25ha.

- Đất trồng cây lâu năm giảm 0,77ha.
- Các loại đất còn lại trong nhóm đất nông nghiệp giữ nguyên so với diện tích kỳ thống kê đất đai năm 2017.

4.3. Tình hình biến động nhóm đất phi nông nghiệp

Nhóm đất phi nông nghiệp tăng 1,02ha so với diện tích kỳ thống kê đất đai năm 2017. Toàn bộ là đất ở tại đô thị.

Các loại đất còn lại trong nhóm đất phi nông nghiệp giữ nguyên so với diện tích kỳ thống kê đất đai năm 2017.

4.4. Tình hình biến động nhóm đất chưa sử dụng

Theo kết quả thống kê đất đai năm 2018, diện tích đất bằng chưa sử dụng của phường không còn, không biến động so với kỳ thống kê năm 2017.

VI. KẾT LUẬN

Thống kê đất đai là công tác được thực hiện thường xuyên hàng năm, giúp Ủy ban nhân dân thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về đất đai. Đồng thời thống kê đất đai là cơ sở để các cấp Ủy đảng, chính quyền địa phương vạch ra đường lối phát triển kinh tế và có những điều chỉnh cần thiết.

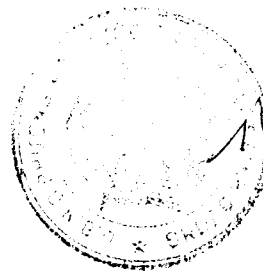
Số liệu thống kê đất đai làm cơ sở pháp lý cho các địa phương nắm được những thông tin biến động các loại đất, từng bước điều chỉnh những yếu kém trong quản lý sử dụng, phát huy những ưu điểm trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất, làm nền tảng để chỉnh lý và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất cho những năm tiếp theo.

Trên đây là kết quả thống kê đất đai năm 2018, Ủy ban nhân dân phường Mỹ Phước báo cáo, thuyết minh kết quả đến Ủy ban nhân dân thị xã xem xét, phê duyệt./.

Nơi nhận:

- UBND thị xã Bến Cát;
- Phòng TN&MT thị xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Phong